

Bản án số: **38/2022/DSST**

Ngày: 28/9/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Liên và ông Lương Tấn Nghị

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa: Nguyễn Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2022/TLST - DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐST - DS ngày 22 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2022/QĐST-DS ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng N;**

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1978 – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N - chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên (Theo giấy ủy quyền ngày 30/5/2022). Có mặt.

Bị đơn: Ông **Trần Bá Q**, sinh năm 1983 và bà **Phan Thị Thanh V**, sinh năm 1984; Đồng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày được tóm tắt như sau:

Ông Trần Bá Q và bà Phan Thị Thanh V có đứng tên vay vốn tại ngân hàng n – chi nhánh huyện T với số tiền vay là 80.000.000 đồng, phương thức

vay từng lần, thời hạn vay từ ngày 09/4/2020 đến ngày 09/4/2022, lãi suất vay 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, mục đích cho vay là chăn nuôi bò.

Tính đến thời điểm hiện tại khoản vay vốn nói trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng N đã tiến hành làm việc với ông Q, bà V nhiều lần, yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông Q, bà V cố tình trốn tránh và chưa thực hiện việc trả nợ vay cho Ngân hàng.

Do đó, để thu hồi nợ, đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q, bà V có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm số nợ vay cho Ngân hàng N tạm tính đến ngày 28/9/2022 là 91.921.100 đồng (*Chín mươi một triệu chín trăm hai mươi một đồng*), trong đó tiền gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi 11.921.100 đồng.

Buộc ông Q, bà V phải trả lãi tiếp theo của ngày 28/9/2022 cho đến khi thi hành án xong, bị đơn ông Q, bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận về các điều khoản đã ký kết trong Hợp đồng cấp tín dụng giữa ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tây Hòa và ông Q, bà V.

Bị đơn ông Trần Bá Q và bà Phan Thị Thanh V được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Bá Q, bà Phan Thị Thanh V trả cho nguyên đơn Ngân hàng N tổng số tiền là 91.921.100 đồng, trong đó tiền gốc là 80.000.000 đồng và tổng lãi tạm tính đến ngày 28/9/2022 là lãi 11.921.100 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2022) cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng N. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên thụ lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

[2] Thủ tục giải quyết vắng mặt đương sự: Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên qua xác minh, bị đơn bỏ địa phương đi mà không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết, là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa căn cứ các điều 5, 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành thụ lý giải quyết và niêm yết theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần, đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo vẫn bản tố tụng hợp lệ vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào sổ vay vốn NA3225413 ký ngày 16/4/2012 và phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo xác định được ông Trần Bá Q, bà Phan Thị Thanh V có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng N – chi nhánh huyện Tây Hòa với số tiền vay là 80.000.000 đồng, phương thức vay từng lần, thời hạn vay từ ngày 09/4/2020 đến ngày 09/4/2022, lãi suất vay 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, mục đích cho vay là chăn nuôi bò, hình thức vay là vay tín chấp. Như vậy, việc giao kết hợp đồng vay vốn giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng ông Q, bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại sổ vay vốn và các hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Mặc dù Ngân hàng N đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và tạo điều kiện cho khách hàng trả nợ nhưng ông Q, bà V vẫn không thực hiện việc thanh toán nợ vay cho Ngân hàng N. Ông Q, bà V bỏ địa phương đi, không liên lạc gì với Ngân hàng N, thể hiện ý chí trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Ông Q, bà V không đến Tòa án làm việc và không cung cấp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên việc ông Q, bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng N là vi phạm nội dung thỏa thuận tại sổ vay vốn và các phụ lục hợp đồng đã ký kết. Do đó Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Trần Bá Q, bà Phan Thị Thanh V phải thanh toán số nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận và

buộc bị đơn ông Q, bà V phải thanh toán số nợ gốc là: 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) cho nguyên đơn Ngân hàng N.

[3.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi: Nội dung thỏa thuận về lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn theo sổ vay vốn và các phụ lục hợp đồng đã ký kết là phù hợp với quy định về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất chưa thanh toán tính đến ngày xét xử (ngày 28/9/2022) là 11.921.100 đồng. Bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2022) cho đến khi trả xong nợ.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu 5% của số tiền phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227, Điều 228, Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3; Điều 91; Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ các Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

1.1. Buộc bị đơn ông Trần Bá Q, bà Phan Thị Thanh V phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền còn nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/9/2022 là 91.921.100 đồng (*Chín mươi một triệu chín trăm hai mươi một nghìn một trăm đồng*), trong đó tiền gốc là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) và tiền lãi tính đến ngày 28/9/2022 là 11.921.100 đồng (*Mười một triệu chín trăm hai mươi một nghìn một trăm đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2022) cho đến khi thi hành án xong, bà Phan Thị Thanh V, ông Trần Bá Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại sổ vay vốn và phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng N – chi nhánh huyện Tây Hòa với bà Phan Thị Thanh V, ông Trần Bá Q cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong sổ vay vốn và phụ lục hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay

theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bị đơn bà Phan Thị Thanh V, ông Trần Bá Q phải chịu 4.596 đồng (*Bốn triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng*) (*đã làm tròn*) án phí dân sự sơ thẩm về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N 2.240.000 đồng (*Hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002432 ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Kim Thúy

